

Bản án số: **31/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 21/7/2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dữ
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 09/2021/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2021 và 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; ĐKKHKT và trú tại: xóm 7, thôn B, xã V, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)
- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1980; ĐKKHKT: xóm 8, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Nơi làm việc: Công ty Cổ phần C Ninh Bình, địa chỉ: xóm 10, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, là quê của anh T vào năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 8, xã K. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2012.

Theo chị N nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng lối sống, quan điểm sống. Anh T thường xuyên uống rượu vô cớ chửi bới đánh đập chị. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh T không thay đổi. Đến năm 2012 vì mâu thuẫn nặng nề nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh H để sinh sống, ly thân với anh T từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Tháng 7/2020 chị đã làm thủ tục ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh

Bình nhưng do anh T không sinh sống ở đó nên chị rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Y đã đình chỉ giải quyết vụ án. Nay chị được biết anh T đang sinh sống và làm việc tại Công ty Cổ phần C Ninh Bình có địa chỉ tại xóm 10, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết cho chị ly hôn với anh T do tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hà Chí T1, sinh ngày 30/12/2003, hiện đang ở với anh T. Khi ly hôn chị tôn trọng nguyện vọng của con. Nếu cháu T1 muốn được ở với anh T thì chị cũng sẽ nhường quyền nuôi con cho anh T và không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân T trong biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/02/2021 thể hiện: Anh xác nhận tính đến nay anh đã làm việc tại Công ty Cổ phần C Ninh Bình được hơn 1 năm và cũng xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn như chị N đã trình bày. Anh cho biết trong quá trình chung sống giữa vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn do chị N chơi bời dẫn đến nợ nần và anh chị đã sống ly thân từ năm 2015. Nay chị N yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh không quan tâm, chị N muốn giải quyết thế nào thì giải quyết.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn Hà Chí T1, sinh ngày 30/12/2003, từ thời điểm vợ chồng anh sống ly thân thì cháu T1 ở với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu chị N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh T xác định vợ chồng anh không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Hà Chí T1, sinh ngày 30/12/2003 thuộc trường hợp Tòa án phải hỏi ý kiến theo quy định thì có nguyện vọng được ở với anh T khi bố mẹ ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Xuân T; giao anh Nguyễn Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Hà Chí T1, sinh ngày 30/12/2003 đến khi thành niên; chị Nguyễn Thị N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Xuân T; chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Xuân

T, nơi làm việc tại xóm 10, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn anh Nguyễn Xuân T đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã K, huyện Y, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh T thường xuyên uống rượu, vô cớ chửi bới đánh đập chị. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh T không thay đổi.

Về phía anh T, anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do chị N chơi bời dẫn đến nợ nần và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015. Do vậy, nay chị N yêu cầu ly hôn, anh không quan tâm, chị N muốn giải quyết thế nào thì giải quyết. Tòa án đã tạo điều kiện cho cả hai bên có thời gian tự hòa giải nhưng không có kết quả, anh T không tham gia phiên hòa giải tại Tòa án.

Như vậy từ trình bày và thái độ của hai bên trong quá trình giải quyết vụ án đã cho thấy vợ chồng chị N, anh T đã sống ly thân một thời gian dài, chị N không còn muốn quay về chung sống với anh T nữa nên đã một lần làm thủ tục ly hôn với anh T tại TAND huyện Y nhưng vì anh T không sinh sống, làm việc tại địa phương nên chị đã rút đơn khởi kiện, đến nay chị tiếp tục yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện K. Anh T cũng bỏ mặc, không chủ động hòa giải với chị N cũng như không tham gia hòa giải tại Tòa án.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị N và anh T hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị N giải quyết ly hôn với anh T là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Xuân T có 01 con chung là Nguyễn Hà Chí T1, sinh ngày 30/12/2003

Về phía chị N, chị tôn trọng ý kiến của con chung, nếu cháu T1 muốn được ở với anh T thì chị sẽ nhường quyền nuôi con cho anh T và không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

Về phía anh T, anh cho rằng từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung ở với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị N đóng góp tiền nuôi con cho anh theo quy định của pháp luật.

Thực tế từ khi ly thân đến nay con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu T cũng có nguyện vọng được ở với anh T khi bố mẹ ly hôn. Để đảm bảo cuộc sống ổn định về sinh hoạt, học tập của con chung thì việc giao anh T tiếp tục nuôi con chung và chị N phải đóng góp tiền nuôi con chung như anh T đề xuất là phù hợp

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Xuân T đều không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề này

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Xuân T.

2/ Về con chung: Giao anh Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Hà Chí T1, sinh ngày 30/12/2003 đến khi thành niên. Chị N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 7/2021 đến khi con chung thành niên. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2509 ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị N phải nộp thêm 300.000đ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh